

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 42/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu:

Họ và tên: Chị **Bùi Thị N**; Sinh năm: 1986

HKTT: Thôn TK, xã NT, huyện VG, tỉnh HY

Hiện trú tại: Tổ 4, khu 3, phường GD, thành phố HL, tỉnh QN

Họ và tên: Anh **Lê Văn B**; Sinh năm: 1985

HKTT: Thôn TK, xã NT, huyện VG, tỉnh HY

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Lê Bùi N1**; Sinh ngày: 06/10/2009

HKTT: Thôn TK, xã NT, huyện VG, tỉnh HY

Người đại diện cho cháu Lê Bùi N1: Anh Lê Văn B (Bố đẻ cháu Lê Bùi N1)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[Về quan hệ hôn nhân]:

Anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện VG, tỉnh HY ngày 16/02/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khoảng 2 năm chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi cọ, có lần xảy ra xô xát, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, công việc và kinh tế. Mặc dù được bố mẹ, gia đình hai bên hàn gắn, khuyên bảo cho vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Từ nhiều năm nay, anh chị đã ly thân với nhau mà không một lần đoàn tụ.

Nay sau thời gian dài ly thân, anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B và chị N cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N.

[Về con chung]: Anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Bùi N1 sinh ngày 06/10/2009. Hiện nay cháu N1 đang do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nay ly hôn, anh B và chị N cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Bùi N1 đến khi cháu N1 thành niên.

Chị N không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh B.

Đây là thỏa thuận tự nguyện, hợp pháp nên được công nhận.

[Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp]: Anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên sẽ không đặt ra xem xét, giải quyết.

[Về lệ phí]: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn B về việc tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Lê Văn B và chị Bùi Thị N cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Bùi N1 sinh ngày 06/10/2009.

Anh B và chị N cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Bùi N1 đến khi cháu N1 thành niên.

Chị N không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh B.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn B tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010683 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, anh B đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã NT;
- (ĐKKH số 12 ngày 16/02/2009)
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy